

Họ, tên thí sinh:

Số báo danh:

Mã đề: 0812

PHẦN I: Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.**Cho đoạn tư liệu, trả lời các câu 1, 2, 3:**

“[...] Mang trong mình bản sắc của dân tộc, bất bình trước cảnh nô lệ lầm than của nhân dân ta, người thanh niên yêu nước và tiên tiến Hồ Chí Minh với khát vọng dân tộc nóng bỏng chỉ có một mong muốn duy nhất là làm sao cho dân tộc được độc lập, đồng bào được tự do đã quyết định chọn con đường cách mạng vô sản, con đường giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người một cách triệt để.

[...] Độc lập, tự do là một động lực, là mục tiêu lý tưởng, là lẽ sống của Hồ Chí Minh – người yêu nước – cộng sản Việt Nam”.

(Lê Mậu Hãn, *Sức mạnh dân tộc của cách mạng Việt Nam dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2017, tr.349-350)

Câu 1. Theo đoạn tư liệu, Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh đã chọn con đường cứu nước theo khuynh hướng

- A. cách mạng vô sản. B. dân chủ tư sản. C. cải cách. D. phong kiến.

Câu 2. Nội dung nào sau đây là yếu tố tác động đến quyết định lựa chọn con đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc vào năm 1920?

- A. Chế độ phong kiến Việt Nam bắt đầu khủng hoảng, suy yếu.
B. Văn thân, sĩ phu đã ngừng hẳn các hoạt động cứu nước.
C. Đất nước mất độc lập, nhân dân chịu cảnh nô lệ lầm than.
D. Nhân dân Việt Nam bước đầu giành được quyền tự chủ.

Câu 3. Nội dung nào sau đây khái quát đúng về hành trình thực hiện khát vọng độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội cho dân tộc Việt Nam trong cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh?

- A. Từ tìm đường, mở đường đến trực tiếp lãnh đạo dân tộc hoàn thành sự nghiệp thống nhất đất nước.
B. Từ tìm đường đến xây dựng Cương lĩnh chính trị (1930) nhằm thực hiện từng bước cuộc cách mạng vô sản.
C. Từ tìm đường, mở đường đến lãnh đạo dân tộc giải phóng, xây dựng hoàn chỉnh lý luận về chủ nghĩa xã hội.
D. Từ tìm đường, mở đường đến dẫn đường cho dân tộc giải phóng, xây dựng và bảo vệ chế độ dân chủ.

Câu 4. Nội dung nào sau đây là nguyên nhân chủ quan dẫn đến thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam?

- A. Có sự kết hợp giữa tổng tiến công và nổi dậy của quần chúng.
B. Đảng có sự chuẩn bị chu đáo về đường lối và lực lượng.
C. Phát xít Nhật tuyên bố đầu hàng Đồng minh vô điều kiện.
D. Có sự ủng hộ to lớn của các nước xã hội chủ nghĩa.

Câu 5. Năm 1917, Chính quyền Xô viết được thành lập ở quốc gia nào sau đây?

- A. Hà Lan. B. Bồ Đào Nha. C. Thụy Điển. D. Nga.

Câu 6. Ngày 19 – 12 – 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*; Tháng 2 – 1951, Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng xác định nhiệm vụ cơ bản của cách mạng là đánh đuổi đế quốc xâm lược, xóa bỏ tàn tích phong kiến, làm cho người cày có ruộng; Tháng 9 – 1960, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng chủ trương thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược ở hai miền Nam – Bắc. Những sự kiện trên là minh chứng cho tư tưởng chỉ đạo nào sau đây của Đảng?

- A. Phải tiến hành đồng thời hai cuộc kháng chiến trong một tiến trình cách mạng.
B. Hoàn thành đồng thời khẩu hiệu “Độc lập dân tộc” và “Cách mạng ruộng đất”.
C. Nhiệm vụ dân chủ được gác lại nhằm ưu tiên cho sự nghiệp thống nhất đất nước.
D. Nhiệm vụ dân tộc không tách rời nhiệm vụ dân chủ trong tiến trình cách mạng.

Câu 7. Năm 1967, quốc gia nào sau đây tham gia sáng lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á?

- A. In-đô-nê-xi-a. B. Nhật Bản. C. Mông Cổ. D. Ấn Độ.

Câu 8. Năm 2015, các nhà lãnh đạo của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á họp tại Ma-lai-xi-a tuyên bố thành lập

- A. Diễn đàn hợp tác Á – Âu. B. Liên minh châu Âu.
C. Tổ chức Thương mại Thế giới. D. Cộng đồng ASEAN.

Câu 9. Ở Việt Nam, ngày 19 – 8 – 1945, địa phương nào sau đây giành được chính quyền?

- A. Hải Dương. B. Huế. C. Hà Nội. D. Sài Gòn.

Câu 10. Nội dung nào sau đây là thành tựu cơ bản của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam trong giai đoạn 1996 – 2006?

- A. Từng bước đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học.
B. Trở thành nước có thu nhập cao nhất trong khu vực.
C. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ.
D. Trở thành cường quốc công nghiệp mới của châu Á.

Câu 11. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng về công cuộc Đổi mới ở Việt Nam (từ năm 1986 đến nay)?

- A. Mở rộng phạm vi, lĩnh vực nhưng không thay đổi mức độ hội nhập.
B. Từng bước kiểm chế và đi đến giải quyết triệt để tình trạng lạm phát.
C. Tỉ trọng tất cả các ngành trong cơ cấu kinh tế tăng dần theo từng năm.
D. Đảng lãnh hoạt trong giải quyết mối quan hệ giữa đối tác và đối tượng.

Câu 12. Năm 1975, quân dân Việt Nam giành thắng lợi trong chiến dịch

- A. Việt Bắc. B. Hòa Bình. C. Hồ Chí Minh. D. Điện Biên Phủ.

Câu 13. Tổ chức nào sau đây được thành lập (1945) với mục tiêu thúc đẩy quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc trên thế giới?

- A. Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương. B. Liên hợp quốc.
C. Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va. D. Hội đồng tương trợ kinh tế.

Câu 14. Đối với quốc tế, thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954) của nhân dân Việt Nam có ý nghĩa lịch sử nào sau đây?

- A. Đánh dấu sự sụp đổ của chế độ phong kiến Việt Nam.
B. Hoàn thành cuộc cách mạng giải phóng dân tộc trong cả nước.
C. Cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa.
D. Mở ra kỉ nguyên hòa bình, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.

Câu 15. Trong giai đoạn 1996 – 2006 của công cuộc Đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam có chủ trương đẩy mạnh

- A. cách mạng ruộng đất. B. tập thể hóa nông nghiệp.
C. phá áp chiến lược. D. hội nhập kinh tế quốc tế.

Câu 16. Sự kiện Việt Nam gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (1995) có ý nghĩa nào sau đây?

- A. Thúc đẩy sự phát triển của quá trình liên kết khu vực.
B. Mở đầu cho quá trình hình thành liên minh khu vực.
C. Hoàn thành quá trình phát triển từ ASEAN 5 lên ASEAN 10.
D. Xóa bỏ được mọi mâu thuẫn giữa các nước Đông Nam Á.

Câu 17. Một trong những quyết định quan trọng của Hội nghị I-an-ta (2 – 1945) là nhanh chóng

- A. tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít. B. thu hẹp ảnh hưởng của Mỹ ở châu Á.
C. khôi phục nền kinh tế các nước Tây Âu. D. viện trợ cho Liên Xô phục hồi kinh tế.

Câu 18. Nhận định nào sau đây là đúng về quan hệ quốc tế trong thời kì Chiến tranh lạnh?

- A. Trong quá trình xác lập, Trật tự thế giới hai cực I-an-ta có biểu hiện xói mòn.
B. Xung đột quân sự Xô – Mỹ bắt nguồn từ các cuộc chiến tranh cục bộ ở châu Á.
C. Các tổ chức khu vực và quốc tế ra đời đều có sự chi phối của cả hai siêu cường Xô – Mỹ.
D. Cục diện đối đầu hai cực, hai phe trở thành nguồn gốc của tình trạng Chiến tranh lạnh.

Câu 19. Nội dung nào sau đây là nguyên nhân chủ quan dẫn đến sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô (1991)?

- A. Do không áp dụng thành tựu khoa học – kĩ thuật. B. Sự chống phá của chế độ phong kiến Nga hoàng.
C. Sự chống phá của các thế lực thù địch bên ngoài. D. Đảng lãnh đạo đã mắc nhiều sai lầm, chậm sửa đổi.

Câu 20. Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn thắng lợi (1427) gắn liền với vai trò lãnh đạo của

- A. Ngô Quyền. B. Bà Triệu. C. Lê Lợi. D. Hai Bà Trưng.

Câu 21. Trong việc thực thi chủ quyền trên Biển Đông, năm 1982, Chính phủ Việt Nam quyết định

- A. mở chiến dịch Đường 14 – Phước Long. B. gia nhập tổ chức Liên hợp quốc.
C. thành lập huyện đảo Trường Sa. D. gia nhập Cộng đồng ASEAN.

Câu 22. Trong những năm đầu thế kỉ XX, Phan Bội Châu có hoạt động đối ngoại nào sau đây?

- A. Tổ chức phong trào Đông du. B. Làm chủ bút báo Thanh niên.
C. Gửi kiến nghị lên Quốc tế Cộng sản. D. Sáng lập Hội Liên hiệp thuộc địa.

Câu 23. Quá trình chuẩn bị cho cách mạng giải phóng dân tộc trong những năm 1941 – 1945, thực tiễn cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954) và thực tiễn cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975) của Việt Nam **không** có điểm tương đồng nào sau đây?

- A. Kết hợp nhiệm vụ dân tộc và nhiệm vụ dân chủ để thực hiện mục tiêu trực tiếp.
B. Phát triển lực lượng chính trị làm cơ sở để xây dựng lực lượng vũ trang.
C. Có mặt trận dân tộc thống nhất thực hiện chức năng của một chính quyền.
D. Đảng có sự điều chỉnh, bổ sung và phát triển đường lối chiến lược cách mạng.

Câu 24. Nhà Lý thực hiện kế sách “*Tiên phát chế nhân*” trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược nào sau đây?

- A. Quân Thanh. B. Quân Xiêm. C. Quân Tống. D. Quân Anh.

PHẦN II: Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho bảng thông tin sau đây:

Thời gian	Nội dung
1945 – 1960	Nhiều nước Đông Nam Á giành và giữ được độc lập.
Năm 1967	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á được thành lập.
Năm 1976	Hiệp ước Ba-li được kí kết.
Năm 1989	Mỹ và Liên Xô cùng tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh.
1990 – 1991	Hiệp định hòa bình về Cam-pu-chia được kí kết; Việt Nam và Trung Quốc bình thường hóa quan hệ ngoại giao.
Năm 1995	Việt Nam gia nhập ASEAN.

- a) Vấn đề Cam-pu-chia được giải quyết và việc Việt Nam gia nhập ASEAN chứng tỏ mục tiêu hợp tác sâu rộng và toàn diện của tổ chức này đã hoàn thành.
b) Theo bảng thông tin trên, năm 1991, Mỹ và Liên Xô cùng tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh.
c) Điều kiện tiên quyết cho sự ra đời của ASEAN là các nước sáng lập đã giành và giữ được độc lập.
d) Mặc dù bối cảnh quốc tế có nhiều biến động, quá trình hình thành và mở rộng thành viên của ASEAN vẫn diễn ra thuận lợi và nhanh chóng.

Câu 2. Cho đoạn tư liệu sau đây:

“Trong 15 năm đầu (1986 – 2000) đổi mới nói riêng, thời kỳ đổi mới nói chung, Việt Nam đã có những bước đi thận trọng, hợp quy luật. Ngay từ đầu, Đảng Cộng sản Việt Nam đã chủ trương lấy đổi mới kinh tế làm nhiệm vụ trung tâm, đồng thời coi trọng đổi mới chính trị, xã hội, văn hóa với những bước đi và hình thức phù hợp. Việt Nam [...] tiến hành theo phương thức “vừa thử nghiệm vừa điều chỉnh”; vừa chú ý tổng kết những kinh nghiệm sáng tạo của nhân dân trong nước, vừa đẩy mạnh nghiên cứu lý luận và tham khảo thêm kinh nghiệm của nước ngoài; [...] kế thừa và phát huy những thành quả của quá trình xây dựng đất nước mấy chục năm qua”.

(Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam*, tập 15, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017, tr.420)

- a) Những thành quả của quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (1986 – nay) chứng tỏ mối quan hệ biện chứng giữa đổi mới với ổn định và phát triển đất nước.
b) Đoạn tư liệu trên ghi nhận: Trong 15 năm đầu của công cuộc Đổi mới (1986 – 2000), Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương lấy đổi mới chính trị làm nhiệm vụ trung tâm.
c) Đường lối đổi mới đất nước tiếp tục được bổ sung và phát triển qua nhiều kì đại hội của Đảng (1991 – 2021), theo phương thức “vừa thử nghiệm vừa điều chỉnh”.

d) Ngay từ đầu công cuộc Đổi mới, Đảng kết hợp chặt chẽ giữa đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, xã hội, văn hóa, trong đó đổi mới chính trị là tiên phong và quyết liệt.

Câu 3. Cho đoạn tư liệu sau đây:

“[...] ý chí quyết tâm hy sinh vì nền độc lập, niềm tin sắt đá vào sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tạo nên sức mạnh làm điểm tựa cho cuộc đấu tranh ngoại giao. [...] Những chiến thắng trên chiến trường tạo nên sức nặng cho tiếng nói trong thương lượng, đem lại ưu thế trong đàm phán với đối phương. Chiến thắng Điện Biên Phủ vừa đúng một ngày trước khi Hiệp định Geneva [Gio-ne-vơ] về Đông Dương nhóm họp đã nâng cao vị thế của Đoàn đại biểu Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968 đã buộc chính quyền Johnson [Giôn-xon] phải ngồi vào bàn đàm phán. Chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không” cuối năm 1972 đã kết thúc quá trình hòa đàm Paris [Pa-ri]”.

(Vũ Dương Ninh, *Lịch sử quan hệ đối ngoại Việt Nam (1940 – 2020)*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.423-424)

- a) Hiệp định Gio-ne-vơ năm 1954 về Đông Dương và Hiệp định Pa-ri năm 1973 về Việt Nam đều được kí kết sau khi Việt Nam giành được những thắng lợi lớn về quân sự.
- b) Theo đoạn tư liệu trên, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968 đã buộc chính quyền Giôn-xon phải ngồi vào bàn đàm phán ở Pa-ri.
- c) Thực tiễn 30 năm chiến tranh cách mạng và giải phóng (1945 – 1975) ở Việt Nam chứng tỏ đấu tranh chính trị là yếu tố trực tiếp đưa tới việc kí kết các hiệp định hòa bình.
- d) Cục diện vừa đánh, vừa đàm trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) tiếp tục được Đảng vận dụng khéo léo và thành công trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975).

Câu 4. Cho thông tin, tư liệu sau đây:

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 21 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (7 – 1973) xác định nhiệm vụ cơ bản của cách mạng hai miền Nam – Bắc sau Hiệp định Pa-ri như sau:

“Nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam trong giai đoạn mới là tiếp tục thực hiện chiến lược cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Bất kể trong tình huống nào, ta vẫn phải kiên định con đường cách mạng bạo lực, giữ vững chiến lược tiến công. [...] Kết hợp chặt chẽ ba mặt trận đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao để đưa cách mạng miền Nam tiến lên...”

Nhiệm vụ của miền Bắc là phải tranh thủ những điều kiện thuận lợi hiện có, đẩy mạnh việc chi viện cho cách mạng miền Nam, đồng thời ra sức khôi phục và phát triển kinh tế, làm cho miền Bắc xã hội chủ nghĩa luôn luôn là chỗ dựa vững chắc cho cuộc đấu tranh hoàn thành độc lập...”

(Ban chỉ đạo Tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị, *Chiến tranh cách mạng Việt Nam 1945-1975 – Thắng lợi và bài học*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.169)

- a) Trong 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc (1945 – 1975), để thống nhất lãnh thổ, nhân dân Việt Nam buộc phải dùng bạo lực cách mạng, không thể trông chờ vào kết quả của một giải pháp hòa bình từ các hội nghị quốc tế.
- b) Nghị quyết 21 của Đảng là một trong những văn kiện chỉ đạo cách mạng cả nước thực hiện nhiệm vụ chiến lược ở giai đoạn cuối của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.
- c) Trong bối cảnh cách mạng miền Nam sau Hiệp định Pa-ri, Nghị quyết 21 của Đảng tạo được thế và lực mới, mở ra thời cơ tiến công chiến lược giải phóng hoàn toàn miền Nam.
- d) Theo đoạn tư liệu trên, nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam Việt Nam (từ tháng 7 – 1973) là *“tiếp tục thực hiện chiến lược cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân”*.

----- HẾT -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;
- Giám thị không giải thích gì thêm.